TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12/4/2021
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tất Dũng
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lô Thị Lệ Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Thái - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 253/2020/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về Tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 09/3/2021 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị Vũ Thị Hồng T, sinh năm 1993 (có mặt)
2. **Bị đơn**: Anh Đoàn Ngọc V, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xóm V, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị Hồng T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh V kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm V, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc trong thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn khi chị phát hiện anh V sử dụng chất ma tuý. Chị đã nhiều lần khuyên ngăn anh V từ bỏ ma tuý nhưng không thành. Do nghiện ma tuý nên tâm lý của anh V không ổn định, ảnh hưởng đến tinh thần của gia đình. Chị nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên đã quyết định sống ly thân với anh V từ tháng 10/2020 cho đến nay.

Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đoàn Ngọc Anh Đ, sinh ngày 17/10/2016. Hiện con chung đang ở chị T. Sau khi hai vợ chồng ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có nợ chung, tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 25/12/2020, bị đơn anh Đoàn Ngọc V trình bày: anh và chị T kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm V, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về làm ăn kinh tế. Từ tháng 10/2020 chị T tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân với anh cho đến nay. Anh đã trực tiếp đến nhà bố mẹ vợ đến đón chị T về để đoàn tụ vợ chồng nhưng chị T không nhất trí. Anh V đề nghị được đoàn tụ vợ chồng.

Tại biên bản làm việc ngày 25/12/2020 của Toà án, anh V xác định nguyện vọng được đoàn tụ vợ chồng. Anh đã đến nhà bố mẹ chị T để đón chị T và con về đoàn tụ vợ chồng nhưng không thành. Sau lần đó, anh V không nói chuyện và không gặp chị T nữa. Nay chị T xin ly hôn, anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T không nhất trí thì anh để chị T tự giải quyết việc ly hôn tại toà án.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đoàn Ngọc Anh Đ, sinh ngày 17/10/2016. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh V nhường quyền nuôi con cho chị T và tự cấp dưỡng nuôi con theo khả năng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt Thông báo, giấy triệu tập cho anh V đến Toà án để tiến hành hoà giải nhưng anh V đều vắng mặt không có lý do.

Anh V đã được tống đạt các văn bản, thông báo, quyết định của toà án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên toà ngày hôm nay, anh V vẫn vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn về cơ bản đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 21, 28, 35, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội về án phí, lệ phí:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị Hồng T, cho chị T được ly hôn anh V. Về con chung: Giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V vì chị T không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết. Về án phí: chị T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình bị đơn Hộ khẩu thường trú tại: huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ đã tiến hành làm việc trực tiếp với anh V để xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Toà án cũng đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên toà cho bị đơn nhưng cả hai lần mở phiên toà anh V đều vắng mặt nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Hồng T và anh Đoàn Ngọc V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, vợ chồng sống không hạnh phúc do anh V nghiện ma tuý ảnh hưởng đến đời sống chung của vợ chồng và tâm lý của con chung. Đến nay, chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên xin được ly hôn. Tại phiên toà, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Căn cứ lời khai của anh V xác định: Vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về làm ăn kinh tế, anh đã thuyết phục chị T đoàn tụ vợ chồng nhưng chị T không nhất trí. Anh V vẫn mong muốn đoàn tụ vợ chồng, anh đã trực tiếp đến nhà bố mẹ chị T đón chị về nhưng không thành, sau đó anh cũng không thăm hỏi, liên lạc với chị T nữa. Ngoài ra, sau khi nhận được Thông báo của Toà án để hoà giải giải giữa vợ và chồng thì anh V vắng mặt và để mặc chị T tự giải quyết vụ án tại toà án. Do đó, khẳng định anh V không có thiện chí níu kéo hôn nhân.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không thể chung sống được với nhau nữa, vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Nếu tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do vậy, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Chị T và anh V có 01 con chung là Đoàn Ngọc Anh Đ, sinh ngày 17/10/2016. Hiện con chung đang ở với chị T. Chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con sau khi vợ chồng ly hôn và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Tại lời khai anh V: anh nhất trí nhường quyền nuôi con cho chị T. Do đó, để đảm bảo sự phát triển toàn diện cho con chung vẫn chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của chị T, giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V vì chị T không yêu cầu.

Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, các đương sự có quyền thỏa thuận hoặc có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con nếu thấy cần thiết.

Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Vũ Thị Hồng T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 174, 175, 177, 196, 220, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Vũ Thị Hồng T, cho chị Vũ Thị Hồng T được ly hôn với anh Đoàn Ngọc V.

2. Về con chung: Giao 01 con là Đoàn Ngọc Anh Đ, sinh ngày 17/10/2016 cho chị Vũ Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đoàn Ngọc V vì chị T không yêu cầu. Anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Án phí*:* Chị Vũ Thị Hồng T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006536 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSNDtỉnh và huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Quang Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Hồng Hạnh **Nguyễn Tất Dũng** **Nguyễn Quang Tuấn**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSNDtỉnh và huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Hoá Thượng, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Quang Tuấn